

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024 /DSST

Ngày 26/01/2024

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan.

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2023/QĐST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T.

Địa chỉ: 16/5/8 Phan Chu T, phường Yên T, TP. P, G, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: tổ 10, phường Yên T, TP. P, G, có mặt.

-Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng K.

Địa chỉ: hẻm 83/6 Lê Văn H, tổ 4 (tổ 15 cũ), phường Yên T, TP. P, G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2023 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, bà Nguyễn Thị Hồng K đã vay tổng cộng của bà

Nguyễn Thị Lệ T tổng số tiền 70.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 02/02/2018 (âm lịch – tức ngày 18/03/2018 dương lịch), bà K vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 14/6/2018 (âm lịch – tức ngày 26/7/2018 dương lịch), bà K vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng.

Các lần vay tiền, bà K đều viết vào sổ ký nhận nợ cho bà T. Thời gian bà K hứa hẹn sẽ trả tiền gốc là vào cuối năm 2018. Các bên thỏa thuận lãi suất hàng tháng là 1,66%/tháng.

Đến thời hạn thanh toán trả nợ bà K đã cố tình lẩn tránh, chây ì, khát nợ và sau nhiều lần làm việc bà K đã tắt điện thoại và cố tình không chịu trả nợ cho bà T.

Việc làm của bà K đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà T.

Do vậy, với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính tới ngày khởi kiện là 145.364.000 đồng (trong đó nợ gốc là: 70.000.000 đồng; nợ lãi tạm tính tới ngày 19/9/2023 là 75.364.000 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bà T đã nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình gồm:

-01 Giấy mượn tiền vào ngày 02/02/2018 (AL) vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) lãi suất 3%/tháng và ngày 14/6/2018 vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị Hồng K đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tiến hành niêm yết tổng đạt hợp lệ: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Hồng K đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Theo Biên bản xác minh ngày 18/10/2023, tại tổ 4, phường Yên Thế, thành phố P, tỉnh G xác định:

Bà Nguyễn Thị Hồng K có đăng ký thường trú tại địa chỉ: 6/83 Lê Văn H tổ 4 (tổ 15 cũ), phường Yên T, TP.P, bà K vẫn còn hộ khẩu thường trú cùng chồng, tuy nhiên bà K rất ít khi có mặt tại địa phương.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng K, Tòa án đã tiến hành thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền

và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố P nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Lệ T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng K, trú tại: 6/83 Lê Văn H tổ 4 (tổ 15 cũ), phường Yên T, TP.P phải trả số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh, vì vậy, Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp: “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng K đã được triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng bà K đều vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 1637, quyền số 0 8/2023 TP/CC SCC/HĐGD ngày 13/10/2023 tại Văn phòng công chứng Đỗ H là hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Qua lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào giấy nợ do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng việc bà Nguyễn Thị Hồng K đã viết giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị Lệ T vào ngày 02/02/2018 (AL) vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng và ngày 14/6/2018 vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), vay không kỳ hạn và không có lãi suất, sau đó bà T đã nhiều lần yêu cầu bà K trả nợ nhưng bà K không có thiện chí trả nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng, căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 02/02/2018 âm lịch (tức ngày 18/3/2018 dương lịch) bà K vay số tiền 50.000.000đ là hợp đồng vay có lãi và không kỳ hạn và ngày 14/6/2018 âm lịch (tức ngày 26/7/2018 dương lịch) bà K vay số tiền 20.000.000đ hợp đồng này vay không lãi và không kỳ hạn nên chỉ được tính lãi từ ngày bà T nộp đơn khởi kiện. Tổng cộng hai lần là: 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Giấy vay mượn nói trên là do bà Nguyễn Thị Hồng K tự nguyện viết và ký tên nhưng sau đó bà K đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết nên việc bà T kiện bà K là có căn cứ.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 BLTTDS để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở các giấy nhận nợ ngày 02/02/2018 và giấy nhận nợ ngày 14/6/2018 của bà Nguyễn Thị Hồng K thì việc bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 70.000.000đ (Bảy

mười triệu đồng) tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có đầy đủ căn cứ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu về việc tính lãi, chỉ yêu cầu tính lãi của khoản vay 50.000.000đ từ ngày vay và khoản vay 20.000.000đ tính từ ngày bà T nộp đơn khởi kiện, xét thấy yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của bà nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì thấy rằng, khoản vay ngày 02/02/2018 âm lịch (tức là ngày 18/3/2018 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 2140 ngày, tiền lãi là $50.000.000đ \times 1,66\%/tháng (=0,055\%/ngày) = 59.206.666đ$.

Đối với khoản vay ngày 14/6/2018 (tức là ngày 26/7/2018 dương lịch), được tính từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm là 13/9/2023 đến ngày 26/01/2024 là 135 ngày $20.000.000đ \times 0,83\%/tháng (=0,027\%/ngày) = 747.000đ$.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lệ T được chấp nhận nên bà Thủy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Hồng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu chi phí đăng tin .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; Điều 92; Điều 96; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T.

2. Buộc Nguyễn Thị Hồng K phải trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền tổng cộng số tiền là tiền 129.953.666đ (một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) trong đó tiền nợ gốc là và tiền nợ lãi là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 59.953.666 (Năm mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) .

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng K phải chịu 6.497.683đ (sáu triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Lệ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 3.634.000đ (bảy triệu đồng) đã tạm nộp án phí trước đây theo biên lai số 0001452 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP.P, tỉnh G.

Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu chi phí đăng tin là 3.528.000đ (Ba triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng). Bà Thủy đã nộp đủ tiền chi phí đăng tin.

5. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Hồng